

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN PHÁT TRIỂN VÙNG

**BÁO CÁO KHOA HỌC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI CẤP TỈNH**

**XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI THỊ XÃ BÌNH MINH ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(BẢN TÓM TẮT)**

Chủ nhiệm đề tài:

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VINH

Vĩnh Long, tháng 7/2024

BÁO CÁO KHOA HỌC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI CẤP TỈNH
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI THỊ XÃ BÌNH MINH ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(BẢN TÓM TẮT)

Chủ nhiệm đề tài:
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VINH

Thành viên đề tài:

PGS. TS Nguyễn Hữu Huân
TS. Hoàng Cửu Long
TS. Nguyễn Tấn Khuyên
TS. Ngô Minh Vũ
TS. Vương Thị Hương Giang
TS. Nguyễn Hữu Mạnh
ThS. Lê Thanh Thuận
ThS. Phạm Tiến Dũng
ThS. Vũ Sơn
CN. Nguyễn Hồng Vân
CN. Nguyễn Thùy Linh

Vinh Long, tháng 7/2024

**BÁO CÁO KHOA HỌC
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỀ TÀI CẤP TỈNH**

**XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI THỊ XÃ BÌNH MINH ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(BẢN TÓM TẮT)**

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



PGS.TS Nguyễn Ngọc Vinh

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

Xác nhận đã hoàn thiện
sau khi nghiệm thu chính thức



**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC VINH

LỜI NÓI ĐẦU

Lời nói đầu nhóm tác giả rất vui mừng và cảm ơn đến các cơ quan, đơn vị đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu được thực hiện và trình bày công trình này với mong muốn kết quả nghiên cứu sẽ đem lại giá trị cho thị xã Bình Minh và tỉnh Vĩnh Long. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với một địa phương, bởi chỉ có chiến lược mới xác định được đúng đắn mục tiêu, phương hướng phát triển lâu dài. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các địa phương vẫn chỉ dừng lại ở cấp độ quy hoạch, kế hoạch phát triển mà chưa có chiến lược tổng thể. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu xây dựng chiến lược cho các đơn vị cấp quận, huyện, thị xã như thị xã Bình Minh trở nên hết sức cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng. Thị xã Bình Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long, nằm trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long - vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng được Nghị quyết 13-NQ/TW nhấn mạnh cần phải phát triển toàn diện và bền vững. Với vị trí địa lý thuận lợi, đóng vai trò là đô thị vệ tinh của TP Cần Thơ, Bình Minh có tiềm năng to lớn nhưng cũng đối mặt nhiều thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu này sẽ đánh giá thực trạng và tiềm năng lợi thế của thị xã, đề xuất giải pháp phát triển đến 2030 và tầm nhìn 2050. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp cơ sở khoa học, công cụ hoạch định chiến lược cho chính quyền địa phương mà còn góp phần thúc đẩy mục tiêu phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo chỉ đạo của Đảng. Đặc biệt, việc tháo gỡ điểm nghẽn, phát huy tiềm năng của thị xã sẽ thúc đẩy tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội, từ đó khẳng định vai trò, vị thế của Bình Minh trong vùng kinh tế trọng điểm. Mục đích của nghiên cứu này là đem lại đóng góp về mặt lý thuyết và thực tiễn từ những kết quả thông qua quá trình nghiên cứu, khám phá các nền tảng lý thuyết và ý nghĩa thực tiễn. Nhóm tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND thị xã Bình Minh, các sở ban ngành và các phòng công tác tại địa phương cùng với những cá nhân đã hỗ trợ và chỉ dẫn trong suốt hành trình nghiên cứu, sự đóng góp, giúp đỡ và động viên của mọi người đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành công trình này.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do thực hiện đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	1
3. Giới thiệu chung về vấn đề nghiên cứu	1
4. Tổng quan lịch sử nghiên cứu và quan điểm lựa chọn vấn đề nghiên cứu	2
5. Tổng quan nghiên cứu	3
6. Vấn đề nghiên cứu	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	6
1.1. Cơ sở lý luận.....	6
1.1.1. Các khái niệm, quan điểm, nội dung tăng trưởng và phát triển kinh tế.....	6
1.1.2. Tổng quan về tăng trưởng kinh tế.....	6
1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế.....	7
1.1.4. đúc kết bài học kinh nghiệm của một số địa phương trong vấn đề phát triển kinh tế	7
1.1.5. Tổng hợp và phân tích cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế	8
1.2. Cách tiếp cận nghiên cứu.....	8
1.3. Phương pháp nghiên cứu	8
1.3.1. Dữ liệu và phương pháp thu thập dữ liệu	9
1.3.2. Các mẫu định lượng.....	9
1.3.3. Các mẫu định tính.....	9
CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN	10
2.1. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đến năm 2021.....	10
2.2. Vị thế và tiềm năng phát triển, sản phẩm chủ lực của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	12
2.2.1. Đánh giá các đặc điểm tự nhiên.....	12
2.2.2. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	13
2.2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn	13
2.2.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội.....	13
2.2.5. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	13
2.2.6. Đánh giá chung hiện trạng kinh tế - xã hội.....	13
2.2.7. Nhận diện ngành - sản phẩm thế mạnh và tiềm năng của thị xã Bình Minh.....	14

2.3. Các thách thức, điểm nghẽn và cơ hội của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	14
2.3.1. Các thách thức từ yếu tố khách quan.....	14
2.3.2. Phân tích các điểm mạnh và điểm yếu của thị xã Bình Minh dựa trên khảo sát chuyên gia, doanh nghiệp và người dân.....	15
2.3.3. Phân tích thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của thị xã Bình Minh trong việc phát triển kinh tế - xã hội (SWOT).	16
2.4. Xây dựng phương án chiến lược phát triển kinh tế – xã hội thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.....	19
2.5. Đề xuất các giải pháp và dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Bình Minh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050	22
PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	24
KẾT LUẬN.....	24
KIẾN NGHỊ.....	29
DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT ĐÃ CÔNG BỐ.....	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Đánh giá xác định các sản phẩm chủ lực thị xã Bình Minh	14
Bảng 2: Phân tích SWOT	16
Bảng 3: Nội dung và xếp hạng các chiến lược SWOT.....	18
Bảng 4: Phương án 2 - Tăng trưởng nhanh có phần đầu.....	20

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do thực hiện đề tài

Việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là rất quan trọng, giúp xác định mục tiêu và phương hướng phát triển dựa trên các phương pháp nghiên cứu khoa học. Hiện nay, nhiều địa phương chỉ dừng lại ở mức quy hoạch, thiếu chiến lược toàn diện. Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII nhấn mạnh phát triển bền vững vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn 2045, khai thác các tiềm năng kinh tế, dầu khí, và năng lượng tái tạo. Thị xã Bình Minh, thuộc tỉnh Vĩnh Long, được thành lập theo Nghị quyết số 89/NQ-CP, có vị trí chiến lược, cần phát triển hạ tầng và kinh tế. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI cũng nêu rõ quyết tâm phát triển Bình Minh. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng, tiềm năng và đề xuất giải pháp phát triển cho Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn 2050, để tháo gỡ điểm nghẽn và phát huy lợi thế của địa phương.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Xây dựng chiến lược phát triển KT-XH thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.
- Phạm vi địa lý nghiên cứu: Thị xã Bình Minh và tỉnh Vĩnh Long.
- Phạm vi thời gian nghiên cứu: từ năm 2010-2021.

3. Giới thiệu chung về vấn đề nghiên cứu

Thông qua kế hoạch và định hướng của đảng và trung ương, kết hợp với những quy hoạch của tỉnh Vĩnh Long, nhóm nghiên cứu xác định được mục tiêu và tính cấp thiết của việc đưa ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho thị xã Bình Minh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết. Thông qua đánh giá thực trạng tình hình chung về kinh tế - xã hội tại địa phương, nhóm nghiên cứu phân tích và đưa ra những chiến lược phù hợp với những đặc điểm thuận lợi nhằm tháo gỡ điểm nghẽn và phát huy hết những thế mạnh và cơ hội để đưa ra những dự án và giải pháp góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị xã Bình Minh. Qua đó cung cấp cơ sở khoa học, hàm ý chính sách nhằm thực hiện định hướng phát triển một cách tối ưu cho thị xã.

Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu 1 (MT1): Đánh giá thực trạng tiềm năng và phân tích những khó khăn,

điểm nghẽn phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh (giai đoạn 2015 – 2021).

Mục tiêu 2 (MT2): Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch 5 năm của thị xã Bình Minh (2021-2025, 2026-2030) và tầm nhìn đến năm 2050.

Mục tiêu 3 (MT3): Đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh.

Để triển khai các nhiệm vụ trên, đề tài thực hiện nội dung:

Nội dung 1: Nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận, phân tích cơ chế chính sách và đề xuất khung đánh giá phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh

Nội dung 2: Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đến năm 2021

Nội dung 3: Đánh giá tiềm năng phát triển và phân tích ma trận SWOT để đề xuất chiến lược phát triển kinh tế xã hội thị xã Bình Minh

Nội dung 4: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long

Nội dung 5: Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh giai đoạn 2022-2025, 2026-2030 và tầm nhìn năm 2050.

Nội dung 6: Đề xuất các dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Bình Minh giai đoạn 2022-2030 và tầm nhìn 2050

Nội dung 7: Tổng kết, đánh giá nghiệm thu; đề xuất các phương án chuyển giao kết quả ứng dụng; đăng ký lưu trữ; tổ chức công bố bản giao ứng dụng; thanh lý hợp đồng

4. Tổng quan lịch sử nghiên cứu và quan điểm lựa chọn vấn đề nghiên cứu

Lịch sử nghiên cứu về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương ở Việt Nam đã hỗ trợ nhóm nghiên cứu xây dựng chiến lược cho thị xã Bình Minh, thông qua việc tổng hợp các giải pháp và phương pháp phân tích thực trạng phù hợp. Các nghiên cứu trước đây tập trung vào phát triển hạ tầng, ngành nghề chủ lực, tận dụng lợi thế phát triển, cung cấp kinh nghiệm quý báu làm nền tảng cho nhóm nghiên cứu. Đề tài này, nhấn mạnh tính cấp thiết của việc xây dựng chiến lược phát triển cho địa phương, sẽ xác định mục tiêu và định hướng phát triển lâu dài phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Bình Minh. Nhóm tác giả đã lược khảo, thu thập dữ liệu từ tài liệu địa phương, thông tư, nghị quyết và thực hiện khảo sát, phỏng vấn để phân tích thực

trạng và tiềm năng, xây dựng kế hoạch và giải pháp nhằm tháo gỡ điểm nghẽn và phát huy điểm mạnh của thị xã. Bài nghiên cứu sẽ đề xuất chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 cho thị xã Bình Minh.

5. Tổng quan nghiên cứu

Phân tích, đánh giá vị thế kinh tế của thị xã Bình Minh

Vị trí địa lý: Bình Minh thuộc tỉnh Vĩnh Long, cách TP Vĩnh Long 30km và TP Hồ Chí Minh 165km, gồm 3 phường và 5 xã. Vị trí giao thông thuận lợi với các tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 54, gần TP Cần Thơ, thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Địa hình và địa mạo: Địa hình đồng bằng, phù sa bồi đắp, cao trình từ 0,6-2,0m, phù hợp cho nông nghiệp.

Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa, độ ẩm 74-92%, mưa trung bình 1.678,6mm - 1.742mm, thuận lợi cho nông nghiệp và giao thông thủy.

Thủy văn: Nguồn nước ngọt quanh năm từ sông Hậu, kênh rạch phong phú, thuận lợi cho tưới tiêu và giao thông thủy.

Tài nguyên đất: Gồm đất phèn, đất phù sa, đất lập liếp, thích hợp cho cây ăn trái đặc sản như bưởi Năm Roi, mận xanh đường.

Tài nguyên nước: Phong phú từ sông Hậu và kênh rạch nội đồng, nước ngầm dồi dào.

Tài nguyên khoáng sản: Có sét và cát lòng sông phong phú, đáp ứng nhu cầu xây dựng.

Tài nguyên nhân văn: Dân số 95.549 người, mật độ 1.020 người/km², dân cư đa dạng về dân tộc và tôn giáo, nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thực trạng môi trường: Nước mặt và nước ngầm ô nhiễm nhẹ nhưng kiểm soát được, chất lượng không khí và đất đảm bảo quy chuẩn, rác thải thu gom đạt 89,5%.

Kết nối với Cần Thơ: Thuận lợi cho phát triển kinh tế và du lịch, nhưng cần điểm dừng tại Bình Minh trên cao tốc và cầu Cần Thơ 2 để tận dụng lợi thế.

Tổng quan: Bình Minh có vị trí, khí hậu, tài nguyên đất và nước phong phú, tiềm năng phát triển lớn. Tối ưu hóa kết nối với Cần Thơ sẽ thúc đẩy phát triển toàn diện.

Hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thị xã Bình Minh

Hệ thống giao thông được nâng cấp với đường cao tốc, quốc lộ và tỉnh lộ, nhưng Quốc lộ 54 cần cải tạo. Giao thông nông thôn cứng hóa đạt 70%, giao thông thủy có

Cảng Bình Minh tiếp nhận tàu lớn. Đến năm 2020, thị xã đầu tư vào 62 dự án thủy lợi, nâng cấp bờ bao, cống đập, kênh nội đồng, đảm bảo tưới tiêu cho 99,2% diện tích nông nghiệp. Điện lưới đảm bảo cho 99,2% hộ gia đình, cần quy hoạch hợp lý để đáp ứng nhu cầu tăng cao. Hệ thống cấp nước hoạt động dưới 50% công suất, tuyên truyền nâng cao nhận thức sử dụng nước sạch. Mạng lưới bưu chính và viễn thông phát triển, tỷ lệ sử dụng điện thoại di động và internet cao. Hạ tầng kỹ thuật cải thiện đáng kể, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cần tiếp tục đầu tư nâng cấp.

Đánh giá thực trạng giáo dục và đào tạo tại thị xã Bình Minh

Giáo dục tại Bình Minh đã phát triển và thích ứng với thách thức, đặc biệt là đại dịch COVID-19. Số lượng học sinh các cấp học duy trì ổn định, phục hồi tốt sau đại dịch. Giáo dục mầm non có số học sinh tăng từ 2.855 (2010-2011) lên 3.198 (2015-2016), ổn định xung quanh 3.100-3.300 học sinh, giảm xuống 2.614 (2020-2021) do COVID-19, phục hồi lên 3.175 (2022). Trường mầm non Hoa Hồng 2 cải tạo đạt tiêu chuẩn quốc gia. Giáo dục tiểu học ổn định, giáo viên đạt tiêu chuẩn 100%. Giáo dục trung học cơ sở giảm sút năm 2015, sau đó ổn định trở lại. THPT Bình Minh và THPT Hoàng Thái Hiếu phát triển mạnh mẽ, thêm trường THCS THPT Đông Thành vào năm 2023. Đào tạo nghề và giáo dục thường xuyên tiến bộ, đáp ứng nhu cầu lao động có kỹ năng, nhưng đối mặt với thách thức giữ chân nhân tài. Giáo dục Bình Minh đang phát triển, chuẩn bị tốt cho thế hệ tương lai.

Đánh giá thực trạng lao động và việc làm tại thị xã Bình Minh

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại Bình Minh chú trọng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, giảm nghèo và nâng cao đời sống người dân. Đào tạo nghề đạt 1.120/2.000 người, giảm phụ thuộc vào nông nghiệp, mở rộng cơ hội việc làm. COVID-19 tăng tỷ lệ thất nghiệp, thị xã tổ chức lớp dạy nghề, hội chợ việc làm, thúc đẩy lao động đi làm ở nước ngoài, đạt 34,62% chỉ tiêu. Cải thiện cơ hội việc làm, đối mặt thách thức khai thác lao động kỹ năng cao, cân đối nhu cầu đào tạo với doanh nghiệp. Cần tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, nghiên cứu giải pháp phù hợp phát triển lao động địa phương.

Đánh giá thực trạng y tế và chăm sóc sức khỏe tại thị xã Bình Minh

Y tế và chăm sóc sức khỏe tại Bình Minh tiến bộ với nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế. Chẩn đoán hình ảnh và công nghệ xét nghiệm chưa đạt yêu cầu, một số người dân phải điều trị tại TP.HCM và Cần Thơ. Bệnh viện ban đầu có 80 giường, tăng lên 150 giường từ năm 2013, có 8 trạm y tế. Số lượng giường bệnh tăng, tỷ lệ bác sĩ còn thấp. Nhân viên y tế tăng từ 160 (2010) lên 223 (2023), tỷ lệ tiêm chủng tăng,

giảm nhẹ năm gần nhất. Phòng chống dịch bệnh và an toàn thực phẩm hiệu quả, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em giảm đáng kể (2010-2022). Phòng chống HIV/AIDS tiến bộ, số người nhiễm giảm. Cần đầu tư cơ sở vật chất y tế, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ y tế, trong bối cảnh dân số già hóa.

6. Vấn đề nghiên cứu

Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Các khái niệm, quan điểm, nội dung tăng trưởng và phát triển kinh tế

Phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế kèm theo những thay đổi về phân phối sản lượng và cơ cấu kinh tế, nâng cao các tiêu chuẩn sống như tiêu dùng, giáo dục, sức khỏe và bảo vệ môi trường. Nó bao gồm sự tăng lên về lượng và chất của nền kinh tế, cải thiện đời sống xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giảm tỷ lệ nông nghiệp, tăng tỷ lệ công nghiệp và dịch vụ. Phát triển xã hội là sự tiến bộ về mọi mặt, đảm bảo quyền và cơ hội bình đẳng, sống trong môi trường lành mạnh, an toàn, có đủ sức khỏe và tri thức. Phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi chiến lược cụ thể để định hướng chính sách và đạt được mục tiêu dài hạn.

Sự cần thiết của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giúp địa phương xác định tầm nhìn, mục tiêu, phân tích môi trường vĩ mô và vi mô, nhận diện tiềm năng, lợi thế và điểm nghẽn, đưa ra phương án phù hợp và giải pháp thống nhất theo từng giai đoạn. Kế hoạch này là cần thiết cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương tại Việt Nam

Các nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện tại Việt Nam như nghiên cứu của Chu Nguyên Thành về huyện Thanh Trì và Hồ Thị Phương Thủy về huyện Tân Sơn đã phân tích thực trạng, nội lực và ngoại lực, và đề ra các mục tiêu phát triển. Các nghiên cứu này sử dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội học để đưa ra các phân tích và dự báo phù hợp, đề xuất các giải pháp cụ thể như đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và kinh tế du lịch. Các nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của vị trí địa lý và cung cấp chiến lược cụ thể cho từng ngành nghề trọng điểm của địa phương.

1.1.2. Tổng quan về tăng trưởng kinh tế

Chất lượng tăng trưởng kinh tế bao gồm tăng trưởng, phát triển và phát triển bền vững, liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường. Một nền kinh tế tăng trưởng tốt khi

duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường. Tăng trưởng kinh tế không chỉ là tăng thu nhập bình quân đầu người mà còn phải cải thiện phúc lợi xã hội và gắn liền với công bằng xã hội. Phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ; tăng trưởng là điều kiện cần để phát triển kinh tế, trong khi phát triển bao hàm cả sự thay đổi về lượng và chất. Phát triển kinh tế địa phương tập trung vào thúc đẩy tăng trưởng tại các khu vực cụ thể như thị trấn và thành phố, thông qua cải thiện cơ sở hạ tầng, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và thu hút đầu tư. Nghiên cứu cho thấy các biện pháp này có tác động tích cực đến kinh tế địa phương, yêu cầu sự hợp tác với cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ để thực hiện các chiến lược phát triển bền vững.

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng và phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào các yếu tố tác động đến tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế. Tổng cầu bao gồm chi tiêu tiêu dùng của hộ gia đình, đầu tư, chi tiêu của chính phủ, xuất khẩu và nhập khẩu. Sự biến đổi của các yếu tố này ảnh hưởng đến tổng cầu và từ đó tác động đến tăng trưởng kinh tế. Tổng cung là khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp sản xuất và bán ra, phụ thuộc vào vốn đầu tư, lao động, tài nguyên thiên nhiên và công nghệ. Vốn đầu tư thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động chất lượng cao gia tăng sản lượng, tài nguyên thiên nhiên là yếu tố đầu vào quan trọng, và công nghệ tạo ra tiềm năng mới cho phát triển.

Ngoài ra, các nhân tố phi kinh tế cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế. Đầu tư vào giáo dục là đầu tư vào vốn nhân lực, giúp tăng trưởng bền vững. Tỷ lệ tăng dân số cao làm giảm GDP bình quân đầu người, trong khi đặc điểm văn hóa - xã hội, thể chế chính trị - kinh tế - xã hội, và điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, địa hình, khí hậu ảnh hưởng đến cơ cấu ngành kinh tế và thu hút đầu tư. Nhân tố dân tộc và tôn giáo cũng đóng vai trò quan trọng, yêu cầu chính sách phát triển phải đảm bảo bình đẳng và bảo tồn bản sắc dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế.

1.1.4. Đúc kết bài học kinh nghiệm của một số địa phương trong vấn đề phát triển kinh tế

Thị xã Duyên Hải, Trà Vinh và huyện Cần Giờ, TP Hồ Chí Minh đã đạt nhiều tiến bộ trong phát triển kinh tế. Duyên Hải đã phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng chất lượng cao và kết hợp với thương mại dịch vụ, tăng thu nhập và giảm tỷ lệ hộ nghèo, triển khai các dự án lớn như Trung tâm Điện lực Duyên Hải và Khu Kinh tế Định An. Huyện Cần Giờ tập trung vào phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo mô hình kinh tế tri thức và xanh, thực hiện các chương trình đột phá của TP HCM. Các bài

học quan trọng bao gồm: huy động mọi nguồn lực để đầu tư hạ tầng đồng bộ, phát triển sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chủ lực bằng công nghệ cao, tận dụng lợi thế phát triển các ngành công nghiệp mới như năng lượng tái tạo, và phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, cần chú trọng đào tạo nhân lực, thúc đẩy khởi nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, và phát triển kinh tế gắn liền với văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống người dân.

1.1.5. Tổng hợp và phân tích cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế

Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII, Đảng và Nhà nước đã đề ra các quan điểm và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhấn mạnh khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy giá trị văn hóa và con người Việt Nam, huy động mọi nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Mục tiêu là đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Các quan điểm cụ thể bao gồm: phát triển dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cải cách và nâng cao thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, coi con người là trung tâm của sự phát triển; xây dựng nền kinh tế tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế; bảo vệ độc lập, chủ quyền, và gắn kết giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, và nâng cao hiệu quả đối ngoại.

1.2. Cách tiếp cận nghiên cứu

Cách tiếp cận nghiên cứu sử dụng khung phân tích tổng quát dựa trên các công cụ như SWOT để phân tích môi trường bên ngoài và bên trong, xác định tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược hành động ưu tiên. Khung logic của đề án kết nối các nhiệm vụ và mục tiêu ưu tiên, sử dụng các tài liệu hướng dẫn về lập kế hoạch phát triển kinh tế địa phương. Các khung phân tích chi tiết khác bao gồm năng lực cạnh tranh và cụm ngành, năng lực cạnh tranh thương mại, và đo lường chất lượng tăng trưởng. Các khung này giúp đánh giá toàn diện và chính xác tình hình kinh tế xã hội, đảm bảo phát triển đồng bộ và bền vững. Khung đo lường sản phẩm chủ lực xác định các sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao, quy mô lớn, và tính đặc thù của địa phương. Việc sử dụng các khung phân tích này giúp đưa ra khuyến nghị và biện pháp cụ thể nhằm cải thiện hiệu suất và tiềm năng phát triển của thị xã Bình Minh.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

1.3.1. Dữ liệu và phương pháp thu thập dữ liệu

Đơn vị tư vấn đã chọn số quan sát một cách khoa học để đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy của kết quả khảo sát. Cụ thể, đã chọn 40 chuyên gia, 50 doanh nghiệp và 110 người dân từ các khu vực khác nhau. Sau đó, tiến hành khảo sát trực tiếp để thu thập ý kiến về các vấn đề kinh tế - xã hội.

1.3.2. Các mẫu định lượng

Số lượng quan sát định lượng gồm 40 chuyên gia, 50 doanh nghiệp và 110 người dân. Chuyên gia được chọn ngẫu nhiên từ các phòng ban, doanh nghiệp được chọn theo ngành nghề và quy mô, còn người dân được chọn ngẫu nhiên từ các khu vực khác nhau trong địa phương để đảm bảo tính đa dạng và đại diện.

1.3.3. Các mẫu định tính

Chọn chuyên gia cho khảo sát định tính dựa trên tiêu chí chuyên môn và sự thuận tiện. Thực hiện phỏng vấn trực tiếp với lãnh đạo phòng ban, mỗi buổi kéo dài từ 20-30 phút, và thu thập thêm tài liệu hỗ trợ nghiên cứu. Tổng số khảo sát là 25, gồm 21 nam và 4 nữ, với đa dạng độ tuổi và trình độ học vấn.

CHƯƠNG 2:

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

2.1. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long đến năm 2021

Phân tích, đánh giá thực trạng và vai trò của các ngành kinh tế trong tổng thể phát triển kinh tế của thị xã Bình Minh

Ngành Nông - Lâm - Thủy sản

Nông nghiệp của thị xã Bình Minh đã phát triển ổn định và hiệu quả, chuyển dịch theo hướng bền vững với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng từ 1,18 tỷ đồng năm 2010 lên 3,22 tỷ đồng năm 2022, chủ yếu từ nông nghiệp. Trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn nhất, nhưng diện tích lúa giảm và diện tích cây ăn trái tăng. Ngành chăn nuôi duy trì ổn định, đóng góp giá trị sản xuất đáng kể. Ngành thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng, đã phát triển mạnh nhờ vị trí ven sông Hậu.

Ngành Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp

Ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh chóng, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp và tạo thêm việc làm. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh từ năm 2010 đến 2022, với Khu Công nghiệp Bình Minh và Khu Công nghiệp Đông Bình đóng vai trò quan trọng. Các giải pháp như tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư đã thúc đẩy ngành này phát triển.

Ngành Thương mại - Dịch vụ

Ngành thương mại - dịch vụ tại thị xã Bình Minh đã tăng trưởng ổn định từ năm 2010 đến 2022, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng từ 1,74 tỷ đồng lên 6,9 tỷ đồng. Số lượng cơ sở kinh doanh tăng dần qua các năm, phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Thị xã cũng có mạng lưới chợ phát triển, góp phần thúc đẩy giao thương và tiêu thụ hàng hóa.

Tổng quan 18 ngành kinh tế

Số lượng doanh nghiệp tăng từ 158 năm 2015 lên 260 năm 2021, với lượng lao động tăng từ 3.637 lên 13.285 người. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo và xây dựng có sự tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng doanh nghiệp và lao động. Các ngành thương mại - dịch vụ và y tế cũng có sự tăng trưởng đáng kể, phản ánh sự phát triển toàn diện của thị xã Bình Minh.

Phân tích và đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thị xã

Thị xã Bình Minh đã nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy, cải thiện đáng kể khả năng di chuyển và phát triển kinh tế. Đường cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ và các quốc lộ, tỉnh lộ quan trọng đã được xây dựng và nâng cấp. Giao thông nông thôn cũng được chú trọng với nhiều đường xã và đường thôn xóm được cứng hóa. Cảng Bình Minh là cảng phục vụ quan trọng cho cả khu vực ĐBSCL, tuy nhiên, cần đầu tư thêm để khai thác tiềm năng vận tải đường thủy. Hệ thống thủy lợi đã nâng cấp đáng kể với nhiều dự án, trong khi lưới điện, cấp nước sạch và thoát nước thải cũng được cải thiện, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Mạng lưới bưu chính, viễn thông phát triển rộng khắp, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc và internet băng rộng. Hạ tầng kỹ thuật hiện đại hóa này đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh.

Đánh giá thực trạng phát triển đô thị và nông thôn của thị xã Bình Minh.

Thị xã Bình Minh đã triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, đạt kết quả tích cực với tất cả các xã đạt chuẩn nông thôn mới từ năm 2017 và 5/5 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào năm 2022. Nhiều công trình hạ tầng quan trọng đã được xây dựng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giảm tỷ lệ hộ nghèo. Về phát triển đô thị, thị xã đã được công nhận là đô thị loại III và đang phấn đấu nâng tỷ lệ đô thị hóa lên 60% vào năm 2025 và 66% vào năm 2030. Tuy nhiên, cần tiếp tục cải thiện các tiêu chí chưa đạt để tiến tới mục tiêu trở thành đô thị loại II.

Đánh giá thực trạng văn hoá, thông tin, truyền thông và thể thao tại thị xã Bình Minh.

Thị xã Bình Minh có lịch sử phong phú và đa dạng văn hóa, với nhiều di tích, chùa chiền và lễ hội truyền thống. Các làng nghề và nghệ thuật dân gian vẫn được duy trì. Về thông tin, truyền thông, thị xã đã triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, quảng bá văn hóa và thông tin đại chúng, đồng thời phát triển các hoạt động văn hóa lễ hội, nâng cao chất lượng gia đình văn hóa. Về thể dục thể thao, cơ sở vật chất còn hạn chế, cần thúc đẩy xã hội hóa đầu tư và phát triển hoạt động thể dục thể thao cộng đồng. Thị xã cũng chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình sản xuất hiệu quả và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trong truy xuất nguồn gốc và chứng nhận sản phẩm. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế trong triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật và phát triển kinh tế bền vững.

Đánh giá thực trạng Hoạt động khoa học và công nghệ tại thị xã Bình Minh.

Việc triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phù hợp với hệ sinh thái của từng giống cây trồng là rất cần thiết và là cơ hội lớn của Thị xã, nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, sẽ thực hiện việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp (bao gồm cả thủy sản) theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Hỗ trợ xây dựng và mở rộng các mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp theo quy trình an toàn thực phẩm, VietGAP, GlobalGAP. Thị xã tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI [1] về khoa học công nghệ và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật cùng với nhiều mô hình kinh tế mang lại hiệu quả kinh tế cao. Thị xã đã hỗ trợ các cơ sở doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn với việc truy xuất nguồn gốc, áp dụng HACCP, cung cấp bao bì và nhãn mác.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và kinh doanh, chưa đạt được sự quan tâm đúng mức, kết hợp với thực tế dịch Covid-19 năm 2020 đã làm sụt giảm nghiêm trọng năng suất sản xuất nông nghiệp, và các kết quả đã nghiên cứu trước đó. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế đã diễn ra nhưng chưa ổn định và thiếu tính bền vững. Phát triển kinh tế nông nghiệp chưa đạt mức toàn diện, giá cả một số sản phẩm nông sản không ổn định và gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ. Mặc dù có các mô hình kinh tế hiệu quả, nhưng khả năng nhân rộng của chúng vẫn còn hạn chế. Công tác cơ cấu lại ngành nông nghiệp còn nhiều hạn chế, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, xây dựng và hình thành các liên kết giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ đang gặp nhiều khó khăn. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã chưa thể đóng vai trò trung tâm trong quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Phát triển dịch vụ du lịch cũng diễn ra chậm chạp.

2.2. Vị thế và tiềm năng phát triển, sản phẩm chủ lực của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.2.1. Đánh giá các đặc điểm tự nhiên

Thuận lợi: Bình Minh có địa hình đồng bằng phù sa, thuận lợi cho nông nghiệp và tưới tiêu, cùng với khí hậu nhiệt đới gió mùa, đất đai màu mỡ, và hệ thống sông ngòi phong phú. Thị xã nổi tiếng với nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc sản như bưởi Năm Roi, thanh trà, và các loại rau màu. Điều kiện này cũng thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái và du lịch trên sông.

Khó khăn: Đất đai bị thoái hóa, nguồn nước ngầm bị ô nhiễm và sụt lún, khí hậu biến đổi khó lường và tình trạng sạt lở bờ sông ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật và sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Hiện trạng sử dụng đất đai

- Thuận lợi: Quỹ đất lớn và thổ nhưỡng tốt giúp phát triển nông nghiệp và du lịch sinh thái. Thị xã đã chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng diện tích cây ăn quả và giảm diện tích lúa, đồng thời phát triển công nghiệp và dịch vụ.
- Khó khăn: Sản xuất nông nghiệp chưa đạt hiệu quả cao do đất bị thoái hóa và việc sử dụng đất chưa đồng bộ. Vốn đầu tư còn hạn chế và công tác quản lý quy hoạch chưa hiệu quả.

2.2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn

- Thuận lợi: Hạ tầng xã hội và kỹ thuật cơ bản đồng bộ, các trung tâm xã và thị trấn được đầu tư phát triển, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp tăng. Các khu dân cư nông thôn được quan tâm phát triển theo chính sách xây dựng nông thôn mới.
- Khó khăn: Tỷ lệ đô thị hóa và mật độ dân số còn thấp, khả năng thu hút đầu tư chưa cao, và hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng đủ nhu cầu phát triển

2.2.4. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội

- Thuận lợi: Hệ thống giáo dục và y tế được đầu tư nâng cấp, hạ tầng văn hóa và di tích lịch sử được bảo tồn và phát huy. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.
- Khó khăn: Hạ tầng xã hội chưa đồng đều, vốn đầu tư hạn chế, và các dự án lớn chưa được triển khai hiệu quả.

2.2.5. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Thuận lợi: Hệ thống giao thông thủy bộ phát triển, đầu tư vào bến xe mới và các công trình thủy lợi, hệ thống cấp điện và nước được cải thiện.
- Khó khăn: Giao thông đường bộ chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, hệ thống xử lý nước thải và bảo vệ môi trường còn thiếu, nguồn nước cấp còn hạn chế và bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn.

2.2.6. Đánh giá chung hiện trạng kinh tế - xã hội

- Thuận lợi: Kinh tế thị xã phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng GRDP cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, nguồn lao động lành nghề tăng, tiềm năng phát triển nông nghiệp và du lịch sinh thái được khai thác hiệu quả.
- Khó khăn: Thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp và dịch vụ giá trị cao

còn hạn chế, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ chưa phát triển mạnh, cơ cấu chuyển dịch kinh tế còn chậm và chưa đồng bộ.

2.2.7. Nhận diện ngành - sản phẩm thế mạnh và tiềm năng của thị xã Bình Minh

Nhóm nghiên cứu xác định 6 sản phẩm chủ lực của thị xã Bình Minh dựa trên bộ tiêu chí quốc gia, gồm các sản phẩm nông nghiệp khác (khoai lang, hành lá, củ sắn), cam quýt, lúa, rau thơm (diếp cá), bưởi, và xà lách xoong. Những sản phẩm này đều có tiềm năng phát triển kinh tế-xã hội, tăng giá trị gia tăng và tạo việc làm cho người dân. Thị xã cũng đang chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung vào công nghiệp, dịch vụ và thương mại, đồng thời đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao và bền vững.

Bảng 1: Đánh giá xác định các sản phẩm chủ lực thị xã Bình Minh

STT	CHỈ TIÊU	TC1 (10)	TC2 (20)	TC3 (12)	TC4 (18)	TC5 (15)	TC6 (25)	TỔNG CỘNG (100)
1	Sản phẩm nông nghiệp khác (khoai lang, hành lá, củ sắn, ...)	6	15	6	12	12	18	69
2	Cam, quýt, thanh trà	7	17	7	15	12	18	76
3	Lúa	8	17	7	15	13	18	78
4	Rau thơm, diếp cá	7	17	9	15	12	20	80
5	Bưởi	8	17	10	16	14	21	86
6	Xà lách xoong	8	17	10	16	14	22	87

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

2.3. Các thách thức, điểm nghẽn và cơ hội của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2.3.1. Các thách thức từ yếu tố khách quan

Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, tiếp tục diễn ra gay gắt, ảnh hưởng đến Việt Nam, tạo lợi thế cho xuất khẩu nông sản từ DBSCL và Vĩnh Long do Mỹ áp đặt thuế nhập khẩu lên hàng hóa Trung Quốc. Nhiều quốc gia, đặc biệt là Nhật Bản và Hàn Quốc, sẽ chuyển dịch đầu tư sang Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực nông sản chất lượng cao và nông nghiệp công nghệ cao, mở ra

cơ hội hợp tác lớn cho vùng DBSCL. Trung Quốc sẽ chuyển đổi từ kinh tế sản xuất sang kinh tế dịch vụ và tiêu dùng, tạo cơ hội cho Việt Nam xuất khẩu nông sản và phát triển ngành chế biến nông sản, nhưng cũng đòi hỏi Việt Nam phải áp dụng công nghệ cao và phát triển logistics. Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do như EVFTA và RCEP, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu và tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu. Phát triển khoa học công nghệ trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội để DBSCL, đặc biệt là Vĩnh Long, đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả, tận dụng lợi thế lao động trẻ để chuyển đổi công nghệ kỹ thuật. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 tiếp tục là rủi ro lớn, làm giảm nhu cầu chi tiêu ở các đối tác thương mại lớn và gián đoạn chuỗi cung ứng, nhưng cũng tạo cơ hội để DBSCL chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng gây rủi ro lớn cho DBSCL, bao gồm Vĩnh Long, nhưng cũng tạo cơ hội để chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và phát triển ngành nuôi trồng, chế biến thủy sản. Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN, đặc biệt là Singapore, Malaysia và Thái Lan, rất quan trọng, giúp kết nối với các quốc gia ASEAN và thúc đẩy hợp tác kinh tế. Vĩnh Long có cơ hội thu hút dòng vốn FDI, phát triển ngành chế biến nông sản và công nghiệp hỗ trợ, nhưng cũng đối mặt với thách thức từ biến đổi khí hậu và đại dịch Covid-19. Để phát triển bền vững, Vĩnh Long cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3.2. Phân tích các điểm mạnh và điểm yếu của thị xã Bình Minh dựa trên khảo sát chuyên gia, doanh nghiệp và người dân

Khảo sát chuyên gia, doanh nghiệp và người dân tại thị xã Bình Minh cho thấy thị xã có nhiều điểm mạnh và điểm yếu cần giải quyết để phát triển bền vững. Các chuyên gia đánh giá cao việc quản lý tài nguyên đất và nước, bảo vệ môi trường và phát triển văn hóa xã hội, nhưng chỉ ra điểm yếu trong quản lý tài nguyên khoáng sản, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông. Doanh nghiệp đánh giá tốt công tác quản lý tài nguyên nước, hệ sinh thái nước ngọt, môi trường sống và chính sách hỗ trợ kinh doanh, nhưng cũng nêu bật những hạn chế trong quản lý tài nguyên khoáng sản, hệ thống giao thông liên kết vùng và dịch vụ y tế. Người dân đánh giá khá về quản lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển văn hóa xã hội và hạ tầng giao thông, nhưng nhận thấy cần cải thiện cơ sở hạ tầng giải trí và nguồn nhân lực chất lượng cao. Cả ba nhóm đều nhất trí rằng chính sách hỗ trợ từ các cơ quan quản lý cần cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp và người dân. Việc khắc phục những điểm yếu này sẽ giúp thị xã Bình Minh phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường khả năng cạnh tranh.

2.3.3. Phân tích thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của thị xã Bình Minh trong việc phát triển kinh tế - xã hội (SWOT).

Bảng 2: Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
1. Vị trí địa lý thuận lợi và kết nối giao thông tốt.	1. Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ tại thị xã Bình Minh chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Quốc lộ 54 ngày càng xuống cấp, đường nhỏ hẹp gây hiện tượng ùn tắc giao thông, khó khăn trong di chuyển. Một số khu vực vì đường quá nhỏ và không đảm bảo nên tiện ích công cộng không đáp ứng nhu cầu người dân, ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế của thị xã.	1. Sự phát triển khoa học công nghệ	1. Yếu tố địa chính trị và rủi ro chính sách của các quốc gia như Trung Quốc, Mỹ và châu Âu.
2. Nằm trong vùng trung tâm của vành đai đô thị hóa ĐBSCL.	2. Khả năng thu hút vốn đầu tư còn chưa cao, ngân sách được chi theo kế hoạch hỗ trợ của tỉnh còn hạn hẹp, nguồn lực chi đầu tư phát triển còn hạn chế.	2. Cơ hội xuất khẩu nông sản đến các thị trường mới như Châu Âu	2. Tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.
3. Đầu mối giao thương hàng hóa và dịch vụ trong khu vực lân cận.	3. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, tự duy lãnh đạo, quản lý điều hành một số ngành, lĩnh vực còn hạn chế, thiếu lao động có chuyên môn không đáp ứng nhu cầu lao động trong các ngành công nghệ cao, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.	3. Vị trí địa lý thuận lợi	3. Cạnh tranh để thu hút vốn đầu tư từ các khu vực lân cận và các tỉnh trong vùng ĐBSCL.
4. Tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao.	4. Những sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến sâu của thị xã chủ yếu có tính gia công hoặc sơ chế đơn giản giá trị gia tăng thấp; quy mô, năng lực và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn còn nhỏ, không tập trung; chưa tạo được đột phá trong thu hút đầu tư, trình độ công nghệ, nhân lực và năng suất lao động trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn thấp.	4. Chuyển dịch cơ sở sản xuất ra khỏi Trung Quốc	4. Cạnh tranh nội bộ trong vùng Vĩnh Long
5. Môi trường đầu tư và kinh doanh ngày càng được nâng cao.	5. Ngành du lịch chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế. Do nguồn vốn cho đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch còn rất hạn chế. Mạng lưới cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh du lịch còn nhỏ bé, đội ngũ nhân viên phục vụ du lịch chưa mang tính chuyên nghiệp cao, hạn chế việc thu hút khách du lịch.	5. Thị trường trong nước cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và sạch	5. Tỷ lệ già hóa dân số cao và di cư tăng mạnh gây thiếu hụt lao động trong các ngành trọng điểm, đặc biệt là ngành công nghệ cao, gây áp lực cho an ninh xã hội.

Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
6. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh chóng và đa dạng hóa ngành công nghiệp.	6. Các sản phẩm chủ lực trên địa bàn thị xã chưa có thương hiệu và có sức cạnh tranh trên thị trường.	6. Đầu tư vào xây dựng công trình thích ứng với biến đổi khí hậu	6. Khó khăn trong việc xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sang Trung Quốc, yêu cầu Việt Nam và các địa phương cải thiện chất lượng sản phẩm và áp dụng công nghệ cao.
7. Có nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành công nghiệp.	7. Đầu tư kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ trong năm qua, đầu tư vào kết cấu hạ tầng xã hội đã được quan tâm, nhưng chưa đồng bộ. Điều này có thể làm chậm sự phát triển kinh tế - xã hội theo kế hoạch dự kiến của thị xã.	7. Hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc và các quốc gia Đông Nam Á	7. Tăng trưởng kinh tế chậm lại, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới dự kiến giảm trong giai đoạn 2021-2025
8. Nhận được nhiều nguồn hỗ trợ từ tỉnh và các tổ chức khác.	8. Nông nghiệp công nghệ cao hay nông nghiệp bền vững chưa thực sự được áp dụng. Sản xuất nông nghiệp chưa được đầu tư đủ để có thể thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng.	8. Hợp tác tiểu vùng Mê Kông	8. Hệ lụy của Covid-19 và các đại dịch có thể xảy ra
9. Tăng trưởng kinh tế cao so với mặt bằng chung của tỉnh.			9. Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm
10. Cải thiện chất lượng và năng suất cây trồng.			
11. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và thương mại.			
12. Phát triển các sản phẩm chủ lực như cải xà lách xoong, diếp cá và công nghiệp chế biến hàng nông sản.			

Điểm mạnh	Điểm yếu	Cơ hội	Thách thức
13. Phát triển ngành dịch vụ, đáp ứng nhu cầu người dân thông qua các mô hình kinh doanh khác nhau.			

Bảng 3: Nội dung và xếp hạng các chiến lược SWOT

STT	Các kết hợp chiến lược	Nội dung cơ bản của chiến lược	Khả năng Triển Khai	Hiệu quả quản trị chi phí	Tác Động Kinh Tế	Tác Động Xã Hội	Hiệu Quả về Thời gian	Khả năng Quản trị Rủi ro	Tổng điểm
1	S3_O3, S1_O3, S8_T6	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông	8	7	9	8	5	9	46
2	S4_O7, S10_O7, S4_O2, S10_O2, S10_O5, S8_T2	Nông nghiệp công nghệ cao với thị trường xuất khẩu và nội địa	6	7	8	8	7	8	44
3	S1_T3, S3_T3	Phát triển hạ tầng và công nghệ logistics để tăng cường thương mại	8	6	8	8	5	8	43
4	S12_O1, S12_O2, S12_O4	Phát triển thương hiệu và chất lượng sản phẩm chủ lực của địa phương và xuất khẩu	8	7	7	6	8	7	43
5	S13_T3	Phát triển du lịch văn hóa và sinh thái	7	6	7	8	7	7	42
6	S4_T2, S10_T2	Nông nghiệp áp dụng công nghệ sinh học ứng phó biến đổi khí hậu và dịch bệnh	7	7	7	7	7	7	42
7	S11_O1, S11_O2, S11_O4, S9_T5, S6_T7	Tái cơ cấu lao động để tăng trưởng xuất khẩu và công nghệ	7	6	7	8	8	6	42
8	W3_O1, S8_T8	Phát triển khoa học, chuyển đổi số và công nghệ	7	6	8	7	8	5	41

9	W1_O3	Tận dụng vị trí địa lý tham gia vào thương mại quốc tế	8	5	8	7	5	8	41
10	S3_O8, S1_O8	Hạ tầng công nghiệp và Logistics	7	6	8	7	4	8	40
11	S2_O4, S2_O7, S2_T4	Phát triển đô thị và hạ tầng để thu hút đầu tư	5	8	8	6	3	8	38
12	W4_O4	Tận dụng xu hướng các doanh nghiệp nước ngoài chuyển cơ sở sản xuất khỏi Trung Quốc	7	6	7	6	5	7	38
13	W2_O2	Tiềm năng xuất khẩu thông qua các hiệp định quốc tế	7	6	7	6	4	7	37
14	W5_O5	Phát triển thương hiệu cho nông nghiệp hữu cơ ở thị trường nội địa	6	7	6	5	5	6	35
15	S13_O4, S13_O1	Phát triển ngành dịch vụ	4	5	6	6	6	6	33
16	W3_T5, W1_T7, W4_T9, S4_T9	Cải thiện chất lượng nguồn lao động sản xuất công nghiệp	5	5	5	5	5	5	30
17	S7_O1, S7_O2, S7_T1	Phát triển nhân lực thu hút đầu tư	4	5	5	5	6	5	30
18	S5_O1, S5_O2	Cải thiện môi trường đầu tư	3	4	4	4	7	4	26

2.4. Xây dựng phương án chiến lược phát triển kinh tế – xã hội thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Bối cảnh kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm các xu hướng toàn cầu như biến đổi khí hậu, tăng dân số, đô thị hóa mạnh mẽ và phát triển công nghệ kết nối. Việt Nam dự kiến sẽ đạt GDP 500 tỷ đô la vào năm 2030, hướng đến mục tiêu tăng trưởng 7% hàng năm. Tuy nhiên, các thách thức như rủi ro kinh tế, đô thị hóa nhanh chóng và biến đổi khí hậu vẫn hiện hữu. Vĩnh Long đã đạt nhiều thành tựu trong quá trình phát triển nhưng còn đối mặt với thách thức về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Để Bình Minh phát triển, ba kịch bản kinh tế được đề xuất: Phương án 1 – Tăng trưởng theo quán tính, Phương án

2 – Tăng trưởng nhanh có phần đầu, Phương án 3 – Tăng trưởng nhanh đột phá với những thuận lợi trong nền kinh tế, trong đó kịch bản phát triển bền vững và hội nhập quốc tế được đánh giá là khả thi nhất. Dựa trên kịch bản này, các phương án phát triển kinh tế - xã hội cho Bình Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bao gồm tăng trưởng theo quán tính, tập trung vào việc duy trì các chỉ tiêu kinh tế và xã hội hiện tại trong khi nỗ lực cải thiện cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư.

Phương án 1, dựa trên tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, cho thấy nền kinh tế thị xã Bình Minh sẽ tiếp tục gặp khó khăn do đầu tư và ngân sách nhà nước không được cải thiện, dẫn đến chậm tiến độ các công trình hạ tầng. Tuy nhiên, khả năng xảy ra phương án này là thấp do chính phủ đã mở cửa lại các hoạt động kinh tế và đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông.

Phương án 3, mặc dù tham vọng với tốc độ tăng trưởng trên 8%/năm, đòi hỏi sự thuận lợi từ bên ngoài và có thể gây ra các tác động tiêu cực đến môi trường.

Phương án 2 được xem là khả thi nhất, tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, và phát triển hạ tầng, dịch vụ, du lịch. Phương án này dự kiến tạo nhiều việc làm, thu hút lao động nhập cư, và nâng cao năng suất lao động, đồng thời đảm bảo phát triển bền vững với sự đầu tư vào công nghệ sạch và bảo vệ môi trường. Bình Minh sẽ tận dụng các tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch sinh thái, cải thiện hạ tầng logistics, và thu hút đầu tư vào đào tạo nghề và dịch vụ y tế, nhằm trở thành một trung tâm kinh tế và du lịch hấp dẫn.

Bảng 4: Phương án 2 - Tăng trưởng nhanh có phần đầu

S T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH20	TH20	TH20	TH20	Dự báo bình			Dự báo bình		
			19	20	21	22	quân			quân (theo giá so sánh 2010)		
I	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ						202 1- 202 5	202 6- 203 0	202 1- 203 0	202 1- 202 5	202 6- 203 0	202 1- 203 0
1	Tốc độ giá trị sản xuất Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng	%	118,8 2	30,57	23,34	19,65	22, 2	20, 1	21, 1	20, 0	12, 2	17, 1
2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội (giá hiện hành) tăng	%	13,67	4,24	-0,61	19,61	13, 5	12, 5	12, 9	8,2	7,9	8,0
3	Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng	%	1,34	1,5	2,52	2,57	3,5	3,5	3,5	2,7	2,9	2,8
4	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng	Tỷ	102,0 0	110,0 0	105,0 0	139,7 6	154 ,4	162 ,7	158 ,5			
II	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG											

S T T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH20	TH20	TH20	TH20	Dự báo bình quân			Dự báo bình quân (theo giá so sánh 2010)
			19	20	21	22				
5	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	82,25	83,12	84	85,2	88,3	93,7	91,0	
6	Tỷ suất sinh (mức sinh)	Con/ phụ nữ	0,82	0,77	1,75	1,74	1,9	1,9	1,9	
7	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân	%	0,82	0,6	0,53	0,40	0,8	1,7	1,2	
8	Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới	%	9,65	9,65	8,6	8,3	9,4	9,4	9,4	
9	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	89,45	90,21	91,15	93,99	97,5	100,0	99,1	
10	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia	%			70,97	77,41	89,1	92,0	90,6	
11	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn được thu gom đến năm 2025									
	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	90	91,2	92,1	93,43	96,5	98,7	97,1	
	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom	%			81,82	95	97	99	98	
12	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước máy từ hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2025									
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước máy tập trung	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước máy tập trung	%	82,05	85,16	93,36	92,67	94,1	93,6	93,9	
II I	CÁC CHỈ TIÊU V: NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ VĂN MINH									
13	Giữ vững và nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao	xã		5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	5/5	
	Trong đó xây dựng xã nông thôn mới nâng cao	xã			1	2/1	2	2	2	
14	Giữ vững và nâng chất các tiêu chí xây dựng phường đạt chuẩn đô thị văn minh	Phườ ng		3/3	3/3	3/3	3/3	3/3	3/3	
15	Xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu và khóm văn hóa - đô thị văn minh									
	- Xây dựng ấp nông thôn mới kiểu mẫu	ấp			1	7/5	7	7	7	
	- Khóm văn hóa - đô thị văn minh	khó m		15	15	15	15	15	15	
16	Sự hài lòng của người dân đối với chính quyền địa phương	%			92	90	95	95	95	

2.5. Đề xuất các giải pháp và dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Bình Minh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Trong giai đoạn 2021-2030, thị xã Bình Minh tập trung phát triển kinh tế theo ba lĩnh vực chính: nông nghiệp, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Trong nông nghiệp, Bình Minh hướng tới việc chuyển đổi cây trồng hiệu quả hơn, giảm diện tích trồng lúa và tăng diện tích trồng cây ăn quả và rau màu. Đặc biệt, các cây chủ lực như bưởi Năm Roi và xả lách xoong được đẩy mạnh phát triển. Công nghiệp chú trọng vào chế biến nông sản, thực phẩm và dệt may, da giày, đồng thời thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp. Thương mại - dịch vụ sẽ tăng cường đầu tư vào hệ thống chợ, siêu thị và trung tâm thương mại, đồng thời phát triển du lịch sinh thái và văn hóa. Đô thị hóa và phát triển nông thôn mới sẽ được thúc đẩy để đáp ứng các tiêu chí đô thị loại II vào năm 2030, tập trung vào cải thiện hạ tầng, thu hút dân cư và lao động phi nông nghiệp. Để thực hiện các giải pháp ưu tiên phát triển kinh tế, thị xã Bình Minh đã xác định danh sách các dự án đầu tư hạ tầng và liên kết vùng trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Các dự án này bao gồm cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, y tế, văn hóa, và giáo dục. Các dự án trọng điểm đã và đang triển khai gồm nâng cấp các tuyến đường, đê bao, kè chống sạt lở, hệ thống chống ngập và trạm xử lý nước thải. Thị xã cũng kêu gọi đầu tư cho các dự án văn hóa, dịch vụ du lịch, và nông nghiệp công nghệ cao để khai thác tiềm năng địa phương. Cần chú trọng vào các dự án logistic và chuyển đổi số để tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Để khắc phục các điểm nghẽn trong phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các giải pháp tập trung vào:

- 1) Cải thiện hạ tầng giao thông: Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường quan trọng và hệ thống giao thông nông thôn để hỗ trợ vận chuyển và kết nối.
- 2) Thu hút đầu tư: Tạo môi trường đầu tư thuận lợi qua cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng, và giải phóng mặt bằng cho các khu công nghiệp.
- 3) Phát triển logistics: Xây dựng trung tâm logistics nông sản hiện đại, kết nối kinh tế vùng.
- 4) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đầu tư vào giáo dục và đào tạo nghề, xây dựng trung tâm đào tạo chuyển đổi số.
- 5) Phát triển công nghiệp chế biến: Tăng cường hỗ trợ và tái cấu trúc hợp tác

xã, đầu tư vào chế biến sâu các sản phẩm nông sản chủ lực.

6) Phát triển du lịch: Đầu tư hạ tầng du lịch, phát triển các tuyến du lịch văn hóa, sinh thái và nông nghiệp.

7) Xây dựng thương hiệu: Áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc và xây dựng chiến lược quảng bá thương hiệu.

8) Đầu tư kết cấu hạ tầng: Phát triển hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là giao thông, cảng, điện, nước.

9) Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp: Tăng diện tích trồng cây ăn trái, rau màu, ứng dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp bền vững.

10) Bảo vệ môi trường: Khuyến khích chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Đề tài "Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" là cấp thiết do nhiều yếu tố. Bình Minh, một đô thị vệ tinh quan trọng của TP Vĩnh Long và gần với TP Cần Thơ, đang phát triển nhưng còn nhiều thách thức như hạ tầng giao thông không đồng bộ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn nhiều vướng mắc, và khó khăn trong phát triển công nghiệp và dịch vụ. Đề tài với mục tiêu chính định hướng chiến lược sẽ giúp tận dụng tiềm năng, lợi thế địa lý và kinh tế của thị xã, đồng thời giải quyết các điểm nghẽn, thúc đẩy phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ một cách bền vững. Điều này cũng phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII, nhấn mạnh sự cần thiết của một chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn diện và bền vững cho khu vực.

Với mục tiêu tổng quát là đề ra các chiến lược và kế hoạch phát triển cho thị xã Bình Minh tập trung vào giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, đề tài cụ thể hóa thành 3 mục tiêu cụ thể và 7 nội dung chính. Với **mục tiêu thứ nhất**: "Đánh giá thực trạng tiềm năng và phân tích những khó khăn, điểm nghẽn phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh (giai đoạn 2015 – 2021)", đề tài đã thảo luận trong 3 nội dung chính sau đây:

- Nội dung 1: Phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2015-2021.
- Nội dung 2: Vị thế và tiềm năng phát triển, sản phẩm chủ lực của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Nội dung 3: Các thách thức, điểm nghẽn và cơ hội của thị xã Bình Minh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nội dung 1 đã phân tích một số điểm tích cực và hạn chế trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội quan trọng của thị xã Bình Minh. Một số mặt đã được thực hiện tốt và cần phát huy như chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế ở địa phương và khắc phục các khó khăn sau đại dịch COVID-19. Tuy nhiên cũng còn một số điểm cần các cấp lãnh đạo thị xã Bình Minh quan tâm đẩy mạnh hơn như việc giải phóng mặt bằng các khu công nghiệp trọng điểm và tiếp tục đầu tư mạnh hơn vào hệ thống giao thông để kết nối các khu vực kinh tế khác nhau trong thị xã. Ngoài ra, để đạt được mục tiêu phát triển lên đô thị

loại 2, tiêu chí về dân số cần phải được chú trọng hơn. Cần có các dự án để thu hút nguồn nhân lực và phát triển đời sống về vật chất và tinh thần của người dân để phát triển thị xã trở thành trung tâm đô thị đáng sống theo hướng bền vững.

Nội dung 2 Phân tích về các tiềm năng và lợi thế của thị xã Bình Minh cho giai đoạn phát triển sắp tới. Cùng với đó, đề tài cũng thu thập ý kiến và dữ liệu để đưa ra đánh giá đâu là các sản phẩm chủ lực mà thị xã có thể tập trung khai thác trong tương lai. Một số sản phẩm chủ lực tiềm năng được các chuyên gia đánh giá cao ở thị xã Bình Minh bao gồm: rau màu (xà lách xoong, rau diếp cá), cây có múi (bưởi, quýt), các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm. Ngoài ra, nội dung 2 cũng nêu bật lên một trong những lợi thế của thị xã Bình Minh so với các địa phương khác nằm ở vị trí địa lý thuận lợi, chiến lược có thể kết nối được các vùng kinh tế khác nhau. Ngành dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nông nghiệp cũng là lợi thế của thị xã nhưng chưa được khai thác mạnh.

Nội dung 3 Nhận diện các thách thức, điểm nghẽn cũng như cơ hội của thị xã trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, việc giải quyết các thách thức này cũng chính là cơ hội tạo ra các động lực bền vững cho thị xã trong giai đoạn sắp tới. Các thách thức, điểm nghẽn quan trọng có thể kể đến như sau:

- Hạ tầng giao thông: Cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ không đáp ứng nhu cầu phát triển. Quốc lộ 54 xuống cấp, tạo ùn tắc, cản trở giao thông và tiện ích công cộng không đáp ứng nhu cầu dân cư.
- Thu hút đầu tư: Khả năng thu hút vốn đầu tư thấp, nguồn lực chi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế.
- Nguồn nhân lực: Chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu lao động chuyên môn, cản trở sự phát triển của ngành công nghệ cao và hội nhập quốc tế.
- Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Sản phẩm chủ yếu là gia công, sơ chế với giá trị gia tăng thấp. Doanh nghiệp nhỏ, thiếu cạnh tranh, công nghệ và năng suất lao động thấp.
- Du lịch: Phát triển du lịch chưa tận dụng hết tiềm năng. Hạ tầng và dịch vụ du lịch chưa phát triển, thiếu chuyên nghiệp, hạn chế thu hút khách du lịch.
- Thương hiệu sản phẩm: Sản phẩm chủ lực của thị xã chưa có thương hiệu mạnh, sức cạnh tranh thấp trên thị trường.
- Đầu tư kết cấu hạ tầng: Đầu tư vào kết cấu hạ tầng xã hội đã được quan tâm nhưng chưa đồng bộ, làm chậm tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Nông nghiệp công nghệ cao và bền vững: Áp dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp bền vững chưa đạt hiệu quả. Sản xuất nông nghiệp chưa đủ sức thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Từ các thực trạng, điểm mạnh và điểm nghẽn đúc kết từ các nội dung ở mục tiêu thứ nhất, **mục tiêu thứ hai** của đề tài tập trung vào việc “xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch 5 năm của thị xã Bình Minh (2022-2025, 2026-2030) và tầm nhìn đến năm 2050”. Các nội dung được nghiên cứu để hoàn thành mục tiêu này bao gồm:

Nội dung 4: Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nội dung 5: Xây dựng phương án chiến lược phát triển kinh tế – xã hội thị xã Bình Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nội dung 4 đóng vai trò định hướng chiến lược để phát triển phương án phát triển kinh tế-xã hội của thị xã Bình Minh trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trong nội dung 5. Một số định hướng chiến lược chính có thể kể đến như sau:

+ Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp dựa trên sản phẩm chủ lực, tập trung vào cây rau màu, cây ăn trái và cây có múi. Áp dụng hướng phát triển hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và bền vững. Đổi mới giống cây trồng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đảm bảo diện tích lúa, tăng cường rau màu và cây trái. Hướng tới nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất đạt chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

+ Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Cải thiện cơ cấu hạ tầng tại các khu công nghiệp. Thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến và thực phẩm. Phát triển bền vững, kết hợp ứng dụng công nghệ cao. Ưu tiên phát triển ngành nghề sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương. Duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống.

+ Thương mại và dịch vụ: Phát triển dịch vụ thương mại và logistics. Tạo ra môi trường kinh doanh hiện đại và văn minh. Tập trung vào việc kết nối sản xuất và tiêu dùng, định hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường. Xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương. Khuyến khích sự chuyển đổi sang chính quyền số và nâng cấp kênh phân phối.

+ Du lịch: Phát triển du lịch chất lượng cao, tập trung vào du lịch sông nước, sinh thái, văn hóa địa phương. Bảo tồn bản sắc văn hóa và phát triển du lịch nông nghiệp, làng nghề.

+ Giáo dục và đào tạo: Đầu tư vào cải thiện chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất. Phát triển ứng dụng công nghệ trong giảng dạy. Mục tiêu xây dựng các trường học đạt chuẩn quốc gia và đáp ứng tiêu chuẩn phát triển đô thị.

+ Y tế: Xây dựng hệ thống y tế toàn diện, hiệu quả và tiên tiến. Tăng cường tuyên truyền và giáo dục về sức khỏe.

+ Bưu chính, viễn thông: Phát triển cơ sở vật chất và dịch vụ bưu chính viễn thông, hỗ trợ thương mại điện tử.

+ Văn hóa: Tăng cường các hoạt động văn hóa và tuyên truyền gia đình văn hóa.

+ Thể dục, thể thao và an sinh xã hội: Phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội và cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

+ Mục tiêu đô thị: Tăng cường phát triển đô thị, cải thiện cảnh quan xanh và hạ tầng giao thông. Hoàn thiện các tiêu chuẩn đô thị, nâng cấp đường xá và cơ sở hạ tầng đô thị.

Từ các định hướng chiến lược chính trên, các điểm nghẽn và lợi thế, **Nội dung 5** đưa ra 3 kịch bản phát triển cho thị xã Bình Minh trong giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, Phương án 1 là phương án được nghiên cứu xây dựng trong điều kiện tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thị xã tương đồng với giai đoạn trước và chưa triển khai thực hiện được những ưu tiên mang tính đột phá. Phương án 2 xem xét khả năng phát triển trong thời kỳ quy hoạch; dự báo các động lực tăng trưởng mới, các yếu tố tác động từ bên ngoài đóng góp cho nâng cao tốc độ và chất lượng phát triển cao hơn so với Phương án 1. Cuối cùng Phương án 3 được xây dựng trên cơ sở phân đầu cao hơn Phương án 2 khi có những thuận lợi lớn từ bên trong và bên ngoài.

So sánh với Phương án 1, nơi có sự chịu ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch và yếu tố kinh tế không được cải thiện, và Phương án 3, một kế hoạch tham vọng nhưng phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài và có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường, Phương án 2 cung cấp một cách tiếp cận cân đối hơn, với tính khả thi cao và phù hợp với mục tiêu phát triển của Thị xã Bình Minh. Trong đó, Phương án 2 dựa tập trung vào các giải pháp trọng điểm sau:

+ Môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh: Phương án 2 tập trung vào việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cấp hạ tầng, từ đó nâng cao năng lực cạnh

tranh của Thị xã Bình Minh. Điều này thu hút nhà đầu tư trong nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế.

+ Phát triển nguồn nhân lực và lao động: Thị xã dự kiến sẽ tạo ra lượng lớn việc làm, thu hút lao động nhập cư và nâng cao năng suất lao động thông qua việc đầu tư vào đào tạo và ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

+ Phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến: Với nguồn nguyên liệu dồi dào, Thị xã có lợi thế trong việc phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản và công nghiệp thực phẩm công nghệ cao.

+ Khả năng phát triển du lịch và dịch vụ: Lợi thế về địa lý, thổ nhưỡng và tiềm năng du lịch sinh thái của Thị xã sẽ được khai thác, thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch và dịch vụ.

+ Thu hút đầu tư nước ngoài: Sự dịch chuyển cơ sở sản xuất từ Trung Quốc sang Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, tạo cơ hội cho Thị xã thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

+ Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội: Phương án 2 đặt mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, phù hợp với xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cao chất lượng tăng trưởng trong tương lai.

Mục tiêu thứ ba của đề tài là: “Đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội thị xã Bình Minh” dựa vào Phương án tăng trưởng ở Nội dung 4. Để hoàn thành mục tiêu này, **Nội dung sáu** tập trung vào đề xuất các giải pháp và dự án ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã bình minh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Ngoài các dự án trọng điểm đã được tỉnh Vĩnh Long thông qua trong giai đoạn 2021-2025, một số dự án trọng điểm đáng chú ý được đề xuất cho thị xã xem xét trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 như:

- Tiếp tục đẩy mạnh các dự án nâng cấp mở rộng các tuyến đường huyện lộ kết nối giao thông giữa các Phường, Xã
- Dự án xây dựng bến phà/thuyền Sông Hậu phục vụ du lịch cảnh quan sông nước và giao thông đường thủy
- Dự án cải tạo/Nâng cấp bệnh viện đa khoa Bình Minh
- Các dự án khai thác du lịch sinh thái: khách sạn ven sông, làng nghề truyền thống, resort sinh thái, nhà văn hóa/bảo tàng

- Dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm khai thác công nghiệp chế biến thực phẩm sâu
- Dự án trung tâm Logistic nông sản
- Dự án trung tâm chuyển đổi số cho doanh nghiệp/hộ kinh doanh tiểu thủ công nghiệp
- Dự án chuyển đổi số cho khu vực hành chính công

Trong quá trình thực hiện, đề tài đã đạt được kết quả định lượng quan trọng và hoàn thành các mục tiêu cụ thể theo thuyết minh ban đầu. Đề tài đã tổng hợp và xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc về tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời hệ thống hóa các chỉ tiêu đánh giá phát triển kinh tế cấp huyện và các chính sách liên quan. Đề tài cũng đã tổng quan các tài liệu pháp lý liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian qua.

Kết quả cụ thể bao gồm đánh giá chương trình phát triển kinh tế giai đoạn 2011-2015 và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2016-2020. Đề tài đã tổng hợp các nghiên cứu trước đây về tăng trưởng và phát triển kinh tế, thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp và sơ cấp liên quan đến tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Vĩnh Long và thị xã Bình Minh, đồng thời đánh giá vai trò, vị thế và triển vọng phát triển kinh tế của thị xã. Đề tài đã phân tích và đánh giá chi tiết thực trạng phát triển kinh tế chung và từng ngành, lĩnh vực của thị xã Bình Minh. Kết quả này được trình bày trong ba báo cáo chuyên đề về phân tích tiềm năng và SWOT. Ngoài ra, đề tài đã xây dựng ba báo cáo về các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh giai đoạn 2022-2030 với tầm nhìn đến năm 2050, và hai báo cáo về định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030 với tầm nhìn đến năm 2050. Cuối cùng, đề tài đã lập danh mục các dự án và chương trình ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Minh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2050, nhằm định hướng và thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện của địa phương. Đề tài đã đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã đề ra theo như thuyết minh.

KIẾN NGHỊ

Để triển khai thực hiện các phương án phát triển thị xã Bình Minh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050, một số kiến nghị được đưa ra cho các cấp lãnh đạo tỉnh Vĩnh Long, Sở Ban Ngành tỉnh Vĩnh Long và lãnh đạo thị xã Bình Minh.

- Đối với Lãnh đạo tỉnh Vĩnh Long:

+ Hỗ trợ và Điều phối: Cung cấp hỗ trợ tài chính và chính sách cần thiết để thúc đẩy việc nâng cấp hạ tầng giao thông và phát triển khu công nghiệp tại Bình Minh. Điều phối và ưu tiên nguồn lực cho các dự án trọng điểm như trung tâm logistics nông sản và khu nông nghiệp công nghệ cao.

+ Chính sách và Quy hoạch: Xây dựng và ban hành các chính sách thu hút vốn đầu tư, cải cách hành chính, và tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời, chỉ đạo và phối hợp với thị xã Bình Minh trong quy hoạch và phát triển các dự án trọng điểm.

+ Xây dựng chiến lược và đảm bảo sự phối hợp giữa các ngành kinh tế và giữa các địa phương trong tỉnh, phục vụ cho mục tiêu phát triển của tỉnh Vĩnh Long nói chung và thị xã Bình Minh nói riêng.

- Đối với các Sở Ban Ngành ở Vĩnh Long:

+ Hỗ trợ kỹ thuật và chuyên môn: Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, chuyên môn và hướng dẫn cụ thể cho việc triển khai các dự án hạ tầng, công nghiệp, và dịch vụ tại Bình Minh.

+ Phối hợp và hợp tác: Tạo điều kiện, phối hợp và làm việc chặt chẽ với lãnh đạo thị xã Bình Minh trong việc thực hiện các dự án trọng điểm quan trọng và có tính đột phá cao như chế biến nông sản sâu, trung tâm logistics, chuyển đổi số đến phát triển du lịch sinh thái.

- Đối với lãnh đạo thị xã Bình Minh:

+ Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo tỉnh Vĩnh Long và các Sở Ban Ngành của tỉnh Vĩnh Long để tham mưu và xây dựng chính sách phù hợp cho mục tiêu phát triển chung của tỉnh và mục tiêu phát triển riêng của thị xã Bình Minh.

+ Phối hợp và cầu thị trong việc tiếp thu các hỗ trợ về chuyên môn và kỹ thuật từ các và các Sở Ban Ngành của tỉnh Vĩnh Long để tạo bước đột phá trong việc xây dựng đội ngũ chuyên môn cao và các dự án trọng điểm cần trình độ chuyên môn cao như dự án chuyển đổi số, dự án nông nghiệp công nghệ cao, dự án trung tâm logistics.

+ Lãnh đạo thị xã Bình Minh có thể sử dụng dự án chuyển đổi số trong khu vực hành chính công để tạo ra hiệu ứng tích cực làm gương cho các khu vực khác trong việc chuyển đổi và phát triển theo hướng công nghệ cao và bền vững. Ngoài ra, chuyển đổi số khu vực hành chính có thể tạo ra hình ảnh thương hiệu hấp dẫn của địa phương để thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước.

+ Thúc đẩy hạ tầng và đầu tư: Tập trung vào việc nâng cấp và mở rộng hạ tầng giao thông, đặc biệt là các tuyến đường chính và nông thôn. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, đặc biệt là cho các ngành công nghệ cao và chế biến nông sản.

+ Phát triển nguồn nhân lực và chất lượng dịch vụ: Đầu tư vào đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, du lịch và dịch vụ. Tạo chính sách thu hút và đào tạo nhân lực chất lượng cao.

+ Xây dựng và phát triển ngành du lịch: Phát triển hạ tầng và chương trình du lịch dựa trên văn hóa bản địa, tận dụng tiềm năng du lịch sinh thái và nông nghiệp, cũng như thúc đẩy du lịch thông qua sự tuyên truyền và quảng bá.

+ Thương hiệu và tiếp thị: Tăng cường xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sử dụng công nghệ thông tin để cải thiện quy trình sản xuất và truy xuất nguồn gốc, và mở rộng thị trường thông qua hệ thống phân phối và truyền thông.

Để cụ thể hóa hơn sự phối hợp cần có của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và phòng/ban chuyên môn ở địa phương, nhóm nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ cụ thể cho từng giải pháp trọng điểm theo bảng sau:

Bảng 5: Các giải pháp trọng tâm, nhiệm vụ kiến nghị cho Sở Ban, Ngành và phòng/ban chuyên môn ở địa phương.

STT	Giải pháp trọng tâm	Phòng ban chuyên môn phối hợp thực hiện chính	Kiến nghị mục tiêu và nhiệm vụ chính
1	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài Chính	Lập kế hoạch tài chính, quản lý tài nguyên, kiến nghị các cơ quan cấp Bộ về phân bổ ngân sách và huy động vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Phát triển và bảo trì cơ sở hạ tầng giao thông.
2	Phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm tới thị trường xuất khẩu	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Nông nghiệp và	Phát triển công nghệ nông nghiệp, Tham gia quảng bá nông sản tại các hội chợ xúc tiến thương mại, và bảo vệ môi trường.

	và nội địa	Phát triển nông thôn, Sở khoa học - Công nghệ	Nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản.
3	Phát triển trung tâm logistics, kho vận hiện đại để tăng cường ngành thương mại của thị xã Bình Minh	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở khoa học - Công nghệ, Sở Tài Chính	Nghiên cứu phương án quy hoạch các nguồn lực cần thiết để phát triển cơ sở hạ tầng logistics, quản lý tài nguyên và phát triển thương mại. Xúc tiến thương mại và quản lý cụm công nghiệp.
4	Phát triển thương hiệu và chất lượng sản phẩm chủ lực của địa phương và xuất khẩu	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Công thương	Xây dựng thương hiệu địa phương, phát triển chất lượng sản phẩm và kế hoạch xuất khẩu. Xúc tiến thương mại và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
5	Phát triển du lịch văn hóa và sinh thái, đặc biệt là du lịch sông nước và miệt vườn	Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Kế hoạch và đầu tư	Nghiên cứu quy hoạch các khu vực chuyên biệt để phát triển du lịch nhằm bảo tồn cảnh quan và văn hóa Phát triển du lịch văn hóa và sinh thái, quảng bá du lịch và bảo vệ tài nguyên. Xúc tiến du lịch và quản lý các khu du lịch.
6	Đầu tư phát triển các cụm nông nghiệp áp dụng công nghệ sinh học ứng phó biến đổi khí hậu	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở khoa học - Công nghệ, Sở Tài Chính	Kêu gọi hợp tác của các chuyên gia đầu ngành về công nghệ sinh học cho các dự án của địa phương. Tạo điều kiện và kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp có ứng dụng nông nghiệp sinh học công nghệ cao. Lập chủ trương và kế hoạch phát triển công nghệ sinh học, bảo vệ

			môi trường và quản lý tài nguyên để xin ý kiến và chỉ đạo của các cấp. Chủ động phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp ở các quy mô nhỏ và có thể nghiên cứu nhân rộng khi thành công.
7	Tái cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động để tăng trưởng xuất khẩu và công nghệ	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở khoa học - Công nghệ	Thường xuyên trao đổi hợp tác với các đơn vị trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ để tạo ra các chương trình đào tạo chất lượng cho lao động địa phương. Thường xuyên cập nhật nhu cầu lao động thực tế từ doanh nghiệp ở địa phương. Đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động và phát triển công nghệ xuất khẩu. Xúc tiến giáo dục nghề nghiệp và bảo trợ xã hội.
8	Phát triển khoa học, chuyển đổi số và công nghệ	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Khoa học và Công nghệ	Mở rộng chương trình hợp tác trao đổi với các viện trường nghiên cứu để đưa các ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số về địa phương áp dụng. Chủ động đề xuất và tìm nguồn tài trợ cho dự án trung tâm chuyển đổi số, bắt đầu từ chuyển đổi số ở các cơ quan ban ngành. Phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng giáo dục. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ.

9	Tận dụng vị trí địa lý tham gia vào thương mại quốc tế	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Công thương	Phát triển thương mại quốc tế, khai thác lợi thế địa lý và xây dựng chiến lược thương mại. Hội nhập kinh tế và quản lý xuất nhập khẩu.
10	Đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu và cụm công nghiệp	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng,	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp, quản lý tài nguyên và kế hoạch đầu tư. Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.
11	Phát triển đô thị và hạ tầng để thu hút đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng	Phát triển đô thị thông minh, xây dựng hạ tầng hiện đại và thu hút đầu tư. Phát triển đô thị và quản lý hạ tầng kỹ thuật.
12	Tận dụng xu hướng các doanh nghiệp nước ngoài chuyển cơ sở sản xuất khỏi Trung Quốc	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thu hút doanh nghiệp nước ngoài, xây dựng kế hoạch đầu tư và phát triển kinh tế. Quản lý đầu tư trong nước và nước ngoài.
13	Nâng cao tiềm năng xuất khẩu thông qua tham gia tích cực hơn vào các các hiệp định và hoạt động xúc tiến thương mại quốc tế	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Công thương	Tăng cường xuất khẩu, tham gia tích cực vào hiệp định quốc tế và xây dựng chiến lược thương mại. Xúc tiến thương mại và hội nhập kinh tế.
14	Phát triển thương hiệu cho nông nghiệp hữu cơ ở thị trường nội địa	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phát triển thương hiệu nông sản hữu cơ, xây dựng kế hoạch tiếp thị và quảng bá sản phẩm. Quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông sản.
15	Phát triển ngành	Phòng Văn hóa và	Phát triển ngành dịch vụ, xây

	dịch vụ	Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Công thương	dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ và kế hoạch quảng bá. Quản lý dịch vụ thương mại và thương mại điện tử.
16	Cải thiện chất lượng nguồn lao động cho các cơ sở sản xuất công nghiệp	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Nâng cao chất lượng lao động, đào tạo nghề và phát triển công nghệ sản xuất. Xúc tiến giáo dục nghề nghiệp và an toàn lao động.
17	Phát triển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Xây dựng cơ chế chương trình đào tạo trọng điểm cho cán bộ nhân lực chất lượng cao. Xây dựng cơ chế thu hút nhân tài từ các địa phương lân cận và tránh việc chảy máu chất xám. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng kế hoạch giáo dục và đào tạo. Quản lý biên chế, vị trí việc làm và đào tạo cán bộ.
18	Cải thiện môi trường và chính sách thu hút đầu tư	Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Tài nguyên và Môi trường	Cải thiện hình ảnh của địa phương thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng và an sinh xã hội. Cải thiện môi trường, xây dựng chính sách thu hút đầu tư và quản lý tài nguyên. Quản lý môi trường và biến đổi khí hậu.

DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT ĐÃ CÔNG BỐ

Vinh, N.N.¹, Huân, N.H.¹, Vũ, N.M.¹, Khuyên, N.T.¹, Long, H.C.¹, Dũng, P.T.², Sơn, V.², Hưng, N.T.², Linh, N.T.², Thuận, L.T.³ (2024). Phát triển kinh tế - xã hội tại thị xã Bình Minh đến năm 2030 và tầm nhìn 2050. *Bản tin Khoa học & Công nghệ Vĩnh Long*, 2024, 02, ISSN 1859 2090, 34-39.